TRƯỜNG THCS THANH LIỆT

THỜI KHÓA BIỂU DẠY THÊM HỌC THÊM

SỐ 7

Áp dụng từ ngày 05/04/2021

Thứ	Tiết	6A1T	6A2T	6A3T	6A4T	6B1T	6B2T	6B3T	6B4T	6C1T	6C2T	6C3T	7A1T	7A2T	7A3T	7A4T	7B1T	7B2T	7B3T	7C1T	7C2T	7C3T	8A1T	8A2T	8A3T	8A4T	8B1T	8B2T	8B3T	8C1T	8C2T	8C3T	9A1T	9A2T	9A3T	9A4T	9A5T	9A6T	9A7T	9A8T
2	1	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngữ Văn (X.Thành)	Ngữ Văn (Phượng)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Toán (Duyên)	Toán (Quý)	Ngoại ngữ (Anh)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Toán (Tùng)	Vật lý (Trang)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Ngữ Văn (N.Bình)	Toán (Cháng)	Toán (Tr.Mai)	Ngoại ngữ (Châm)	Ngữ Văn (Lan)	Ngữ Văn (L.Hương)	Toán (Tuấn)	Toán (Hóa)	Ngữ Văn (Thu)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngữ Văn (Thùy)	Ngữ Văn (T.Nga)	Vật lý (N.Nga)	Toán (Tr.Dung)	Ngoại ngữ (Thảo)	Toán (Chung)	Hóa học (Tr.Hạnh)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Toán (Cường)	Ngữ Văn (Hải)	Toán (Thuận)	Lịch sử (Hà)	Toán (Quyên)	Toán (Hoa)	Toán (Minh)	Ngoại ngữ (Mai)	Ngữ Văn (B.Hà)
	2	Vật lý (Trang)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngữ Văn (X.Thành)	Ngữ Văn (Phượng)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Toán (Duyên)	Toán (Quý)	Ngoại ngữ (Anh)	Toán (Tr.Mai)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Ngữ Văn (N.Bình)	Toán (Cháng)	Ngữ Văn (T.Nga)	Ngoại ngữ (Châm)	Ngữ Văn (Lan)	Ngữ Văn (L.Hương)	Toán (Tuấn)	Toán (Hóa)	Ngữ Văn (Thu)	Vật lý (Phù)	Ngữ Văn (Thùy)	Hóa học (Đức)	Toán (Thanh)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngoại ngữ (Thảo)	Toán (Chung)	Hóa học (Tr.Hạnh)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Toán (Cường)	Ngữ Văn (Hải)	Toán (Thuận)	Lịch sử (Hà)	Toán (Quyên)	Toán (Hoa)	Toán (Minh)	Ngoại ngữ (Mai)	Ngữ Văn (B.Hà)
	3	Toán (Duyên)	Vật lý (Trang)	Ngoại ngữ (Mai)	Toán (Quyên)	Toán (Hóa)	Ngữ Văn (Hải)	Toán (Quý)	Ngoại ngữ (Anh)	Toán (Tr.Mai)	Toán (Tùng)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Vật lý (Huế)	Toán (Cháng)	Ngữ Văn (T.Nga)	Ngoại ngữ (Châm)	Toán (Thuận)	Ngoại ngữ (Thảo)	Toán (Tuấn)	Ngữ Văn (L.Hương)	Ngữ Văn (Thu)	Hóa học (Đức)	Toán (Hoa)	Toán (Thanh)	Hóa học (Hậu)	Toán (Tr.Dung)	Vật lý (N.Nga)	Hóa học (Tr.Hạnh)	Toán (Loan)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Hóa học (Tuyết)	Lịch sử (Hà)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngữ Văn (Thùy)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Toán (Chung)	Lịch sử (Phượng)
	4												Toán (Hóa)	Toán (Thuận)	Vật lý (Huế)	Ngoại ngữ (Châm)	Toán (Tuấn)	Ngữ Văn (Lan)	Ngoại ngữ (Thảo)	Vật lý (Phú)	Ngữ Văn (L.Hương)	Ngoại ngữ (Mai)	Toán (Hoa)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Ngữ Văn (T.Nga)	Toán (Thanh)	Hóa học (Hậu)	Ngữ Văn (Thu)	Ngữ Văn (N.Bình)	Toán (Loan)	Ngữ Văn (B.Hà)	Vật lý (N.Nga)	Lịch sử (Hà)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngữ Văn (Thùy)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Toán (Chung)	Lịch sử (Phượng)
		6A1T	**6A2T**	**6A3T**	**6A4T**	**6B1T**	**6B2T**	**6B3T**	**6B4T**	**6C1T**	**6C2T**	**6C3T**	**7A1T**	**7A2T**	**7A3T**	**7A4T**	**7B1T**	**7B2T**	**7B3T**	**7C1T**	**7C2T**	**7C3T**	**8A1T**	**8A2T**	**8A3T**	**8A4T**	**8B1T**	**8B2T**	**8B3T**	**8C1T**	**8C2T**	**8C3T**	**9A1T**	**9A2T**	**9A3T**	**9A4T**	**9A5T**	**9A6T**	**9A7T**	**9A8T**
3	1	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngoại ngữ (Anh)	Toán (NBNgọc)	Toán (Quyên)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Ngữ Văn (Hải)	Ngoại ngữ (Kiên)	Ngữ Văn (Y.Nga)	Vật lý (Huế)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Toán (P.Thảo)	Ngữ Văn (N.Bình)	Toán (Thuận)	Toán (Cháng)	Toán (Tr.Mai)	Toán (Tuấn)	Ngoại ngữ (Châm)	Ngoại ngữ (Thảo)	Ngữ Văn (Thu)	Toán (Hóa)	Ngoại ngữ (Mai)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Ngữ Văn (T.Nga)	Toán (Thanh)	Toán (Tr.Dung)	Toán (Tùng)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Vật lý (N.Nga)	Ngữ Văn (B.Hà)	Ngữ Văn (Thùy)	Lịch sử (Hà)	Ngữ Văn (L.Hương)	Toán (Loan)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Toán (Hoa)	Toán (Minh)	Toán (Chung)	Lịch sử (Phượng)
	2	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngoại ngữ (Anh)	Toán (NBNgọc)	Toán (Quyên)	Ngoại ngữ (Mai)	Ngữ Văn (Hải)	Ngoại ngữ (Kiên)	Toán (Quý)	Toán (Tr.Mai)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Ngữ Văn (B.Vân)	Ngữ Văn (N.Bình)	Toán (Thuận)	Ngữ Văn (Y.Nga)	Vật lý (Huế)	Toán (Tuấn)	Ngoại ngữ (Châm)	Toán (Thanh)	Ngữ Văn (Thu)	Toán (Hóa)	Toán (Trang)	Hóa học (Đức)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Ngữ Văn (T.Nga)	Hóa học (Hậu)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngoại ngữ (Thảo)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Ngữ Văn (B.Hà)	Vật lý (N.Nga)	Ngữ Văn (Thùy)	Lịch sử (Hà)	Ngữ Văn (L.Hương)	Toán (Loan)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Toán (Hoa)	Toán (Minh)	Toán (Chung)	Lịch sử (Phượng)
	3	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngoại ngữ (Anh)	Toán (NBNgọc)	Toán (Quyên)	Ngoại ngữ (Mai)	Vật lý (Trang)	Vật lý (Huế)	Toán (Quý)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Ngữ Văn (B.Vân)	Toán (Hóa)	Ngữ Văn (N.Bình)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Toán (Tr.Mai)	Toán (Tuấn)	Ngoại ngữ (Châm)	Toán (Thanh)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Ngữ Văn (L.Hương)	Ngữ Văn (Thu)	Toán (Hoa)	Hóa học (Đức)	Ngoại ngữ (Thảo)	Ngữ Văn (T.Nga)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Toán (Tùng)	Hóa học (Tr.Hạnh)	Ngữ Văn (B.Hà)	Toán (Chung)	Ngoại ngữ (Kiên)	Ngữ Văn (Hải)	Toán (Thuận)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Lịch sử (Hà)	Ngữ Văn (Thùy)	Lịch sử (Phượng)	Ngữ Văn (Lan)	Toán (Tr.Dung)
	4																						Toán (Hoa)	Vật lý (Phù)	Toán (Thanh)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Ngoại ngữ (Thảo)	Toán (Tùng)	Ngữ Văn (N.Bình)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Toán (Chung)	Ngoại ngữ (Kiên)	Ngữ Văn (Hải)	Toán (Thuận)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Lịch sử (Hà)	Ngữ Văn (Thùy)	Lịch sử (Phượng)	Ngữ Văn (Lan)	Toán (Tr.Dung)
		6A1T	**6A2T**	**6A3T**	**6A4T**	**6B1T**	**6B2T**	**6B3T**	**6B4T**	**6C1T**	**6C2T**	**6C3T**	**7A1T**	**7A2T**	**7A3T**	**7A4T**	**7B1T**	**7B2T**	**7B3T**	**7C1T**	**7C2T**	**7C3T**	**8A1T**	**8A2T**	**8A3T**	**8A4T**	**8B1T**	**8B2T**	**8B3T**	**8C1T**	**8C2T**	**8C3T**	**9A1T**	**9A2T**	**9A3T**	**9A4T**	**9A5T**	**9A6T**	**9A7T**	**9A8T**
4	1	Ngữ Văn (L.Quyên)	Toán (Quyên)	Ngữ Văn (X.Thành)	Ngữ Văn (Phượng)	Ngoại ngữ (Mai)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Ngữ Văn (Hường)	Vật lý (Huế)	Ngữ Văn (Hải)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Toán (P.Thảo)	Toán (Hóa)	Ngữ Văn (N.Bình)	Ngữ Văn (Y.Nga)	Ngoại ngữ (Châm)	Ngữ Văn (Lan)	Vật lý (Phú)	Ngữ Văn (L.Hương)	Ngữ Văn (Thu)	Ngoại ngữ (Thảo)	Toán (Trang)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Toán (Hoa)	Toán (Thanh)	Ngữ Văn (T.Nga)	Hóa học (Hậu)	Hóa học (Tr.Hạnh)	Vật lý (N.Nga)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Ngữ Văn (B.Hà)	Ngoại ngữ (Kiên)	Toán (Tuấn)	Lịch sử (Hà)	Toán (Loan)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngữ Văn (Thùy)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Toán (Chung)	Toán (Tr.Dung)
	2	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Toán (Quyên)	Ngữ Văn (X.Thành)	Ngữ Văn (Phượng)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Toán (Duyên)	Ngoại ngữ (Kiên)	Toán (Quý)	Ngữ Văn (Hải)	Vật lý (Trang)	Toán (P.Thảo)	Toán (Hóa)	Toán (Thuận)	Ngữ Văn (Y.Nga)	Ngoại ngữ (Châm)	Vật lý (Phú)	Ngữ Văn (Lan)	Ngữ Văn (L.Hương)	Ngữ Văn (Thu)	Ngoại ngữ (Thảo)	Ngoại ngữ (Mai)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Toán (Hóa)	Toán (Thanh)	Ngữ Văn (T.Nga)	Vật lý (N.Nga)	Hóa học (Tr.Hạnh)	Ngữ Văn (N.Bình)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Ngữ Văn (B.Hà)	Hóa học (Tuyết)	Toán (Tuấn)	Lịch sử (Hà)	Toán (Loan)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngữ Văn (Thùy)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Toán (Chung)	Toán (Tr.Dung)
	3	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Toán (Quyên)	Vật lý (Huế)	Vật lý (Trang)	Toán (Hóa)	Toán (Duyên)	Toán (Quý)	Ngữ Văn (Y.Nga)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Toán (P.Thảo)	**TA Language Link 7.2B(7C1)-P318, 7.2A(gồm các lớp khác)- P.315**										Toán (Hoa)	Hóa học (Đức)	Ngoại ngữ (Thảo)	Ngữ Văn (T.Nga)	Toán (Tr.Dung)	Ngữ Văn (Thu)	Ngữ Văn (N.Bình)	Ngữ Văn (B.Hà)	Toán (Chung)	Ngữ Văn (Thùy)	Ngữ Văn (Hải)	Toán (Thuận)	Lịch sử (Hà)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Lịch sử (Phượng)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngữ Văn (Lan)	Ngoại ngữ (Mai)
	4																						Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Toán (Hoa)	Ngoại ngữ (Thảo)	Toán (Thanh)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngữ Văn (Thu)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Ngữ Văn (B.Hà)	Toán (Chung)	Ngữ Văn (Thùy)	Ngữ Văn (Hải)	Toán (Thuận)	Lịch sử (Hà)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Lịch sử (Phượng)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngữ Văn (Lan)	Ngoại ngữ (Mai)
		6A1T	**6A2T**	**6A3T**	**6A4T**	**6B1T**	**6B2T**	**6B3T**	**6B4T**	**6C1T**	**6C2T**	**6C3T**	**7A1T**	**7A2T**	**7A3T**	**7A4T**	**7B1T**	**7B2T**	**7B3T**	**7C1T**	**7C2T**	**7C3T**	**8A1T**	**8A2T**	**8A3T**	**8A4T**	**8B1T**	**8B2T**	**8B3T**	**8C1T**	**8C2T**	**8C3T**	**9A1T**	**9A2T**	**9A3T**	**9A4T**	**9A5T**	**9A6T**	**9A7T**	**9A8T**
5	1	**LỚP ISMART: (6IM3+6IM4)-P100**											**LỚP ISMART:7IM1(7A1)-P321;7IM2(7B1;7C1)-P322**																				Ngoại ngữ (L.Thúy)	Ngữ Văn (L.Hương)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Toán (Quyên)	Lịch sử (Phượng)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngữ Văn (Lan)	Ngoại ngữ (Mai)
	2																																Ngoại ngữ (L.Thúy)	Ngữ Văn (L.Hương)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Toán (Quyên)	Lịch sử (Phượng)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngữ Văn (Lan)	Ngoại ngữ (Mai)
	3																																Toán (Tuấn)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Lịch sử (Phượng)	Ngữ Văn (B.Hà)
	4																																Toán (Tuấn)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Lịch sử (Phượng)	Ngữ Văn (B.Hà)
		6A1T	**6A2T**	**6A3T**	**6A4T**	**6B1T**	**6B2T**	**6B3T**	**6B4T**	**6C1T**	**6C2T**	**6C3T**	**7A1T**	**7A2T**	**7A3T**	**7A4T**	**7B1T**	**7B2T**	**7B3T**	**7C1T**	**7C2T**	**7C3T**	**8A1T**	**8A2T**	**8A3T**	**8A4T**	**8B1T**	**8B2T**	**8B3T**	**8C1T**	**8C2T**	**8C3T**	**9A1T**	**9A2T**	**9A3T**	**9A4T**	**9A5T**	**9A6T**	**9A7T**	**9A8T**
6	1	Toán (Duyên)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngoại ngữ (Mai)	Ngoại ngữ (Anh)	Vật lý (Trang)	Ngữ Văn (Hải)	Ngữ Văn (Hường)	Ngữ Văn (Y.Nga)	Toán (Tr.Mai)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Ngữ Văn (B.Vân)	Ngữ Văn (N.Bình)	Ngoại ngữ (Châm)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Ngữ Văn (T.Nga)	Ngữ Văn (Lan)	Toán (Thuận)	Toán (Thanh)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Ngữ Văn (L.Hương)	Vật lý (Huế)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngữ Văn (Thùy)	Hóa học (Đức)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Ngoại ngữ (Thảo)	Ngữ Văn (Tùng)	Toán (Chung)	Toán (Loan)	Hóa học (Tuyết)	Toán (Cường)	Toán (Tuấn)	Lịch sử (Hà)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Toán (Quyên)	Toán (Hoa)	Toán (Minh)	Lịch sử (Phượng)	Ngữ Văn (B.Hà)
	2	Toán (Duyên)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Ngoại ngữ (Mai)	Ngoại ngữ (Anh)	Toán (Hóa)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Ngữ Văn (Hường)	Ngữ Văn (Y.Nga)	Ngữ Văn (Hải)	Toán (Tùng)	Ngữ Văn (B.Vân)	Ngữ Văn (N.Bình)	Ngoại ngữ (Châm)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Ngữ Văn (T.Nga)	Ngữ Văn (Lan)	Toán (Thuận)	Toán (Thanh)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Vật lý (Huế)	Toán (Trang)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Ngữ Văn (Thùy)	Vật lý (Phú)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Ngoại ngữ (Thảo)	Ngữ Văn (Thu)	Toán (Chung)	Toán (Loan)	Hóa học (Tuyết)	Toán (Cường)	Toán (Tuấn)	Lịch sử (Hà)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Toán (Quyên)	Toán (Hoa)	Toán (Minh)	Lịch sử (Phượng)	Ngữ Văn (B.Hà)
	3	Toán (Duyên)	Toán (Quyên)	Toán (NBNgọc)	Ngoại ngữ (Anh)	Toán (Hóa)	Ngoại ngữ (Đ.Vân)	Ngữ Văn (Hường)	Toán (Quý)	Ngữ Văn (Hải)	Toán (Tùng)	Ngoại ngữ (N.Ngọc)	Vật lý (Phú)	Ngoại ngữ (Châm)	Ngữ Văn (Y.Nga)	Toán (Tr.Mai)	Ngữ Văn (Lan)	Toán (Thuận)	Vật lý (Huế)	Toán (Tuấn)	Ngoại ngữ (Thảo)	Toán (Trang)	ToanTC (Hoa)	VanTC (Thùy)	VanTC (T.Nga)	ToanTC (Thanh)	VanTC (CH.Hà)	VanTC (Thu)	ToanTC (Chung)	VanTC (B.Hà)	VanTC (L.Quyên)	VanTC (L.Thanh)	Ngoại ngữ (L.Thúy)	Ngữ Văn (L.Hương)	Toán (Loan)	Lịch sử (Hà)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Lịch sử (Phượng)	Ngoại ngữ (Mai)	Toán (Tr.Dung)
	4																						**LỚP ISMART 8IM-P322**										Ngoại ngữ (L.Thúy)	Ngữ Văn (L.Hương)	Toán (Loan)	Lịch sử (Hà)	Ngoại ngữ (Hạnh)	Lịch sử (Phượng)	Ngoại ngữ (Mai)	Toán (Tr.Dung)
		6A1T	**6A2T**	**6A3T**	**6A4T**	**6B1T**	**6B2T**	**6B3T**	**6B4T**	**6C1T**	**6C2T**	**6C3T**	**7A1T**	**7A2T**	**7A3T**	**7A4T**	**7B1T**	**7B2T**	**7B3T**	**7C1T**	**7C2T**	**7C3T**	**8A1T**	**8A2T**	**8A3T**	**8A4T**	**8B1T**	**8B2T**	**8B3T**	**8C1T**	**8C2T**	**8C3T**	**9A1T**	**9A2T**	**9A3T**	**9A4T**	**9A5T**	**9A6T**	**9A7T**	**9A8T**
7	1	**BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU KHỐI 6**											**BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU KHỐI 7**										**BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU KHỐI 8**										Toán (Tuấn)	Ngữ Văn (L.Hương)	Toán (Loan)	Toán (Quyên)	Ngữ Văn (Thùy)	Toán (Minh)	Ngữ Văn (Lan)	Ngữ Văn (B.Hà)
	2																																Toán (Tuấn)	Ngữ Văn (L.Hương)	Toán (Loan)	Toán (Quyên)	Ngữ Văn (Thùy)	Toán (Minh)	Ngữ Văn (Lan)	Ngữ Văn (B.Hà)
	3																																Ngữ Văn (Hải)	Toán (Thuận)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Toán (Hoa)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Toán (Chung)	Toán (Tr.Dung)
	4																																Ngữ Văn (Hải)	Toán (Thuận)	Ngữ Văn (L.Thanh)	Ngữ Văn (CH.Hà)	Toán (Hoa)	Ngữ Văn (L.Quyên)	Toán (Chung)	Toán (Tr.Dung)

Người lập **Hiệu trưởng**

Hoàng Thị Trâm **Phạm Văn Ngát**